

THỰC TRẠNG KĨ NĂNG TỰ HỌC NGOÀI LỚP HỌC CỦA SINH VIÊN CHÍNH QUY SỰ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỰ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN*,
NGUYỄN VĂN HIẾN**, PHƯƠNG ĐIỂM HƯƠNG*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng kĩ năng (KN) tự học ngoài lớp học của sinh viên (SV) chính quy sự phạm Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM). Nghiên cứu tập trung vào 5 KN: lập kế hoạch tự học, đọc sách, ghi chép, ôn tập và tự kiểm tra, đánh giá; từ đó, đưa ra một số biện pháp để nâng cao KN tự học ngoài lớp học cho SV của trường.

Từ khóa: tự học, kĩ năng.

ABSTRACT

*A study of the reality of mainstream students' self-directed learning skills
in Ho Chi Minh City University of Education*

The article presents the findings of the study of the reality of mainstream students' self-directed learning skills in Ho Chi Minh City University of Education. The study focuses on 5 skills: planning of self-directed learning, reading, note-taking, reviewing and self-assessing; based on which some solutions can be drawn out to enhance students' self-directed learning skills.

Keywords: self-directed learning, skill.

1. Đặt vấn đề

Từ những năm 70 của thế kỉ XX, thuật ngữ “tự học” đã bắt đầu nhận được nhiều sự quan tâm của những nhà nghiên cứu. Xã hội càng phát triển, người ta càng nhận ra tầm quan trọng của vấn đề tự học. Tổ chức UNESCO đã khẳng định nếu người học muốn thực hiện được mục tiêu học tập của thế kỉ XXI: “Học để biết, học để làm, học để chung sống với nhau, học để khẳng định mình” thì KN tự học sẽ trở thành yếu tố cốt lõi.

Ở Việt Nam, các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước cũng nhấn mạnh giáo dục hiện nay phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Đối với bậc cao đẳng, đại học, Luật Giáo dục 2010 cũng đã nêu: “Phương pháp đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện KN thực hành, tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng” (Điều 40) [5].

Những chủ trương trên cũng phần nào xuất phát từ lí luận dạy học đại học: Bản chất của việc học tập ở đại học của

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

** GV, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

SV là quá trình nhận thức có tính chất nghiên cứu; có nghĩa là SV cần phải tự mình chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện KN, hình thành thái độ đúng đắn trong suốt thời gian học tập ở đại học. Để làm tốt điều này, đòi hỏi SV phải có KN tự học.

Từ năm học 2010-2011, Trường ĐHSPTPHCM đã bắt đầu chuyển sang hình thức đào tạo theo tín chỉ. Với hình thức này, SV cần phải tự quản lý hoạt động học tập của mình tốt hơn, đồng thời giảng viên (GV) cũng yêu cầu khả năng tự học của SV nhiều hơn để hoàn tất các bài tập theo nhóm, bài tập nghiên cứu cá nhân. Việc đánh giá KN tự học, đặc biệt là KN tự học ngoài lớp học của SV, để từ đó có những giải pháp nâng cao KN này cho SV là rất cần thiết.

2. Cơ sở lí luận về kĩ năng tự học ngoài lớp học của sinh viên

Tự học luôn là một vấn đề thu hút sự quan tâm, chú ý của các nhà giáo dục trong và ngoài nước, dưới nhiều góc độ khác nhau như: phát huy tính tích cực, tính tự lập, tự giác và tính sáng tạo của người học. Cùng với xu thế phát triển của thời đại, các nhà giáo dục học ở các nước phát triển đã đi sâu nghiên cứu và tối ưu hóa việc học, hình thành và phát triển năng lực tự học để người học có thể học thường xuyên, học suốt đời. [6]

Trong tự học, yếu tố quan trọng không phải là thời gian mà là phương pháp đúng đắn và sự thành thạo khi sử dụng các phương pháp ấy hay chính là KN tự học, bởi vì nếu người học sở hữu KN tự học tốt thì ngoài việc đạt hiệu quả học tập cao còn rút ngắn được thời gian dành cho việc học. Có nhiều cách tiếp cận khác nhau về KN tự học, sau nghiên

cứu, có thể định nghĩa KN tự học như sau: *KN tự học là khả năng thực hiện thành thục và có kết quả các thao tác, hành động tự học trên cơ sở vận dụng những tri thức tích lũy được về hoạt động và KN tự học.*

Lí luận dạy học đại học chỉ ra rằng: hoạt động nhận thức của SV ở đại học là hoạt động nhận thức mang tính chất nghiên cứu. Vì vậy, trong quá trình học, SV phải tự mình chiếm lĩnh các tri thức, rèn luyện các KN để phục vụ cho nghề nghiệp tương lai, đồng thời tham gia vào hoạt động tìm kiếm các chân lí mới [4]. Ngoài ra, đặc trưng ở đại học là GV không theo sát để kiểm tra, nhắc nhở việc học tập của SV như ở phổ thông, do đó, SV phải tự kiểm soát hoạt động học tập của mình. Nói cách khác, việc tự học ngoài lớp học sẽ đóng góp không ít đến thành tích học tập của SV ở đại học.

Các nhà nghiên cứu cũng tổng hợp và phân chia KN tự học ở đại học thành nhiều nhóm KN và các KN cụ thể. Trong số đó, các KN được nhắc đến nhiều nhất là: KN hoạch định mục tiêu; KN lập kế hoạch tự học; KN tìm kiếm và xử lí thông tin; KN đọc sách; KN ghi chép; KN làm việc nhóm; KN ôn tập; KN tự kiểm tra, đánh giá. [1], [2], [3]

3. Thực trạng kĩ năng tự học ngoài lớp học của sinh viên chính quy sư phạm Trường ĐHSPTPHCM

Đề tài “*Thực trạng KN tự học ngoài lớp học của SV chính quy sư phạm Trường ĐHSPTPHCM*” (mã số CS2012.19.51) đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi trên 369 SV năm thứ 2 và năm thứ 3 thuộc 4 khoa: Địa lí, Tiếng Anh, Hóa học, Tâm lí - Giáo dục;

kết hợp với phỏng vấn 12 GV, 26 SV thuộc 4 khoa trên, đồng thời tham khảo ý kiến 2 chuyên gia giáo dục để tìm hiểu thực trạng KN tự học ngoài lớp học của SV Trường ĐHSPTPHCM và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng đó. Kết quả

nghiên cứu gồm những nội dung như sau:

3.1. Thời gian dành cho việc tự học ngoài lớp học của sinh viên chính quy sư phạm Trường ĐHSPTPHCM (xem bảng 1)

Bảng 1. Thời gian mỗi ngày dành cho việc tự học ngoài lớp học của SV chính quy sư phạm Trường ĐHSPTPHCM

	Thời gian	0 -	1-	2 -	3-	4 giờ	Tổng cộng
	Đối tượng SV	dưới 1 giờ (%)	dưới 2 giờ (%)	dưới 3 giờ (%)	dưới 4 giờ (%)	trở lên (%)	
Năm thứ	Năm 2	7,9	22,6	34,2	20,0	15,3	100
	Năm 3	5,6	29,6	36,3	14,5	14,0	100
Khoa	Địa	2,4	19,0	47,6	19,0	11,9	100
	Anh	4,9	28,4	35,8	14,8	16,0	100
	Hóa	11,2	28,1	28,1	14,6	18,0	100
	TLGD	7,8	27,8	31,3	20,0	13,0	100
Học lực	Xuất sắc	0,0	0,0	0,0	66,7	33,3	100
	Giỏi	3,1	21,9	31,3	15,6	28,1	100
	Khá	6,3	23,7	37,7	17,4	15,0	100
	Trung bình khá	15,2	23,9	30,4	19,6	10,9	100
	Trung bình	2,7	34,2	35,6	16,4	11,0	100
	Yếu	25,0	50,0	25,0	0,0	0,0	100

Bảng 1 cho thấy thời gian tự học ngoài lớp học của SV ĐHSPTPHCM tập trung nhiều nhất ở mức 2 giờ đến 3 giờ mỗi ngày. Các con số thống kê theo các cách phân loại đối tượng khác nhau đều cho thấy trên dưới 1/3 số SV được khảo sát cho biết họ dành 2 giờ đến 3 giờ mỗi ngày để tự học ngoài lớp học, có thể là học ở nhà, nhà sách, thư viện hoặc địa điểm khác.

Phỏng vấn sâu 26 SV về “Thời gian mỗi ngày một SV nên tự học” thì 20/26 SV (hơn 76%) cho rằng phải từ 4 giờ trở lên, chỉ có 2/26 SV (khoảng 7,7%) cho

rằng 1,5-2 giờ/ngày là đủ. Đồng thuận với ý kiến của SV, đa số các GV được phỏng vấn cũng cho rằng SV nên tự học ngoài lớp ít nhất 4 giờ/ngày. Thậm chí, GV Hà Văn T. (Khoa Địa lí) còn khẳng định: SV phải tự học 5-7 giờ/ngày mới giỏi được. Điều này cho thấy có thể SV nhận thức được rằng cần dành nhiều thời gian cho tự học, nhưng thực tế thường học ít hơn con số mong đợi đó.

Lượng thời gian tự học ở SV năm 2 và 3 không có nhiều sự khác biệt. Điều này có thể tạm lí giải là do áp lực bài học của các năm học là khá đồng đều.

Xét theo khoa, thời gian tự học từ 3 giờ trở lên, SV tại các khoa tương đối đồng đều ở mức trên 30%. Khoa Địa lí có số SV tự học trong mức 2-3 giờ/ngày nhiều nhất với xấp xỉ 50%, còn Khoa Hóa thì ít nhất với chưa tới 1/3 SV dành quỹ thời gian tự học ở mức này. Ngược lại, Khoa Địa lí có số SV tự học dưới 2 giờ/ngày ít nhất và Khoa Hóa học có số SV tự học ngoài lớp dưới 2 giờ nhiều nhất, lên tới hơn 40%.

Xét theo kết quả học tập, trên 3 giờ mỗi ngày là khoảng thời gian mà tất cả SV xuất sắc và khoảng trên 40% SV giỏi dành cho việc tự học ngoài lớp, còn 75% SV yếu chỉ tự học ngoài lớp dưới 2 giờ/

ngày. Đối với SV từ mức trung bình đến khá thì số lượng SV tự học ngoài lớp từ 2 giờ/ngày trở lên chiếm ưu thế hơn so với thời lượng dưới mức đó. Tuy thống kê chưa tìm thấy sự tương quan giữa thời gian tự học với kết quả học tập của SV (do số SV các nhóm chênh lệch khá lớn), nhưng có thể thấy khuynh hướng các SV có kết quả học tập tốt thường dành nhiều thời gian tự học ngoài lớp hơn so với các SV có kết quả không tốt.

3.2. Mức độ ảnh hưởng của các kỹ năng tự học ngoài lớp học đến kết quả học tập của sinh viên chính quy sư phạm Trường ĐHSP TPHCM (xem bảng 2)

Bảng 2. Mức độ ảnh hưởng của các KN tự học ngoài lớp học đến kết quả học tập của SV chính quy sư phạm Trường ĐHSP TPHCM

STT	Kỹ năng	Điểm TB	Độ LC	Mức độ	Thứ hạng
1	Hoạch định mục tiêu tự học	3,91	0,868	Nhiều	2
2	Lập kế hoạch tự học	3,86	0,933	Nhiều	3
3	Đọc sách ngoài lớp học	3,54	0,882	Nhiều	6
4	Ghi chép tài liệu ngoài lớp học	3,34	0,933	Vừa phải	8
5	Làm các bài tập ngoài lớp học	3,64	0,941	Nhiều	4
6	Ôn tập	4,05	0,805	Nhiều	1
7	Làm việc nhóm ngoài lớp học	3,58	0,949	Nhiều	5
8	Tự kiểm tra, đánh giá quá trình tự học	3,48	0,996	Vừa phải	7

(Điểm TB: Điểm trung bình; Độ LC: Độ lệch chuẩn)

Cả GV và SV đều thừa nhận, các KN tự học ngoài lớp học ảnh hưởng ở mức độ “Nhiều” đến thành tích học tập của SV. Khảo sát chi tiết từng KN thì: không có KN nào được đánh giá ảnh hưởng ở mức “Rất nhiều”, 6/8 KN được SV cho rằng ảnh hưởng ở mức “Nhiều”

(ĐTB dao động trong khoảng 3,54- 4,05), hai KN còn lại ảnh hưởng ở mức “Vừa phải” nhưng ĐTB không chênh lệch nhiều so với các KN trên (ĐTB = 3,34 và ĐTB= 3,48). Như vậy, các KN này đều được SV đánh giá khá cao về tầm quan trọng của chúng đối với việc học tập.

KN được SV cho là ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả học tập của mình là “Ôn tập” (ĐTB= 4,05, cận trên của mức “Nhiều”), kế tiếp là KN “Hoạch định mục tiêu tự học” (ĐTB= 3,91), theo sau là KN “Lập kế hoạch tự học” (ĐTB= 3,86). Các KN bị đánh giá thấp là “Ghi chép tài liệu ngoài lớp học”, “Tự kiểm tra, đánh giá quá trình tự học” và “Đọc sách ngoài lớp học”.

Khi phỏng vấn, KN lập kế hoạch và hoạch định mục tiêu tự học cũng được các SV đề cập nhiều nhất và chọn đó là những KN quan trọng nhất, bởi vì: Khi đưa ra được mục tiêu cụ thể và chính xác thì người học mới có định hướng rõ ràng và biết rõ được nhưng công việc mình phải làm là gì. Lập kế hoạch thì chúng ta mới sắp xếp thời gian của bản thân hợp lí và dễ dàng đạt được mục tiêu của mình.

KN ôn tập lại ít được SV đề cập khi phỏng vấn, trái ngược với kết quả khảo sát bằng bảng hỏi. Việc đánh giá cao KN ôn tập, có thể xuất phát từ suy nghĩ của nhiều SV rằng KN này sẽ giúp ích nhiều nhất cho SV khi thi cuối kì và ảnh hưởng đến kết quả điểm số bài thi, cũng là kết quả học tập nói chung.

Một KN khác cũng được 15/26 SV lựa chọn và cho rằng rất quan trọng với SV là KN làm việc nhóm. Theo lí giải

của họ, ở đại học, GV thường xuyên giao nhiệm vụ làm việc nhóm và điểm đánh giá quá trình thường có một tỉ lệ không nhỏ.

KN làm bài tập ngoài lớp học được tất cả các SV Khoa Hóa tham gia phỏng vấn chọn là KN quan trọng nhất với SV khoa mình, do đặc thù các môn học ngành này đều phải giải quyết các bài tập áp dụng đi kèm.

KN tự kiểm tra, đánh giá và đọc sách cũng được 5/26 SV đề cập trong phần phỏng vấn vì có kiểm tra, đánh giá mới biết được tri thức được tích lũy bao nhiêu và các phương pháp học tập đã tiến hành có thực sự hiệu quả. Với KN đọc sách, SV Nguyễn Lâm Quang T. (Khoa Địa lí) cho rằng: KN quyết định chất lượng và số lượng thông tin mình thu nhận được. Nếu đi kèm với KN ghi chép (các nội dung đã đọc) thì sẽ tốt hơn.

Điều đáng lưu ý từ kết quả khảo sát lần phỏng vấn là SV chưa nhận thức đúng đắn vai trò của KN ghi chép, trong khi các chuyên gia lẫn GV đều đề cao KN xử lí thông tin đã được tìm kiếm mà việc ghi chép lại tài liệu chính, là một khâu trong quá trình xử lí này.

3.3. Thực trạng kĩ năng lập kế hoạch tự học ngoài lớp học của sinh viên chính quy sư phạm Trường ĐHSPTPHCM (xem bảng 3)

Bảng 3. Thực trạng KN lập kế hoạch tự học ngoài lớp học của SV chính quy sư phạm Trường ĐHSPTPHCM

STT	Nội dung	Điểm TB	Độ LC	Mức độ	Thứ hạng
1	Tôi xác định các yêu cầu cụ thể của quá trình tự học ngoài lớp	3,00	0,827	Thỉnh thoảng	9
2	Tôi xác định quỹ thời gian dành cho tự học	3,42	0,906	Thỉnh thoảng	2
3	Tôi liệt kê toàn bộ những việc phải làm trong thời gian tự học	3,36	0,995	Thỉnh thoảng	5
4	Tôi phân loại công việc trong tự học theo mức độ quan trọng	3,69	0,931	Thường xuyên	1
5	Tôi xác định thời hạn hoàn thành cho từng nhiệm vụ tự học	3,41	0,927	Thỉnh thoảng	3
6	Tôi xác định các tác nhân hỗ trợ quá trình thực hiện kế hoạch	3,01	1,031	Thỉnh thoảng	8
7	Tôi thường xuyên kiểm tra tính hợp lý và khả thi của kế hoạch	3,08	0,996	Thỉnh thoảng	7
8	Tôi điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp khi phát hiện nó chưa hiệu quả	3,37	0,951	Thỉnh thoảng	4
9	Tôi dán kế hoạch tự học nơi học tập của tôi hoặc ghi cẩn thận vào sổ tay	3,15	1,237	Thỉnh thoảng	6

Bảng 3 cho thấy hầu hết các hành động cụ thể khi lập kế hoạch tự học ngoài lớp học đều được SV tiến hành ở mức độ “Thỉnh thoảng” (ĐTB dao động trong khoảng 3,00-3,42), chỉ duy nhất việc “Tôi phân loại công việc trong tự học theo mức độ quan trọng” đạt mức “Thường xuyên” (ĐTB= 3,69, cũng chỉ là cận dưới của mức này).

Đối chiếu với kết quả ở bảng 2, SV mặc dù đánh giá cao sự ảnh hưởng của KN lập kế hoạch nhưng lại lúng túng khi tiến hành nó và không thực hiện thường xuyên. Việc lập kế hoạch tự học phải bao gồm nhiều hành động cụ thể thì mới đạt hiệu quả, nhưng SV chủ yếu chỉ lên kế

hoạch học tập theo mức độ quan trọng của nhiệm vụ tự học. Ví dụ: môn nào, bài nào quan trọng thì dành nhiều thời gian và ưu tiên học trước; còn lại, có thể học sau hoặc bỏ qua.

Hành động xác định quỹ thời gian tự học được thực hiện ở mức độ thường xuyên thứ 2 (ĐTB= 3,42), tiếp theo đó là việc xác định thời hạn hoàn thành cho từng nhiệm vụ tự học (ĐTB=3,41). Những hành động này gần như mang tính bắt buộc khi SV lập kế hoạch tự học vì nếu SV có ý định bắt đầu việc tự học thì họ phải hình dung những việc cần làm, và làm trong bao lâu.

Việc chi tiết hóa kế hoạch tự học,

theo dõi, điều chỉnh hoặc tìm kiếm các yếu tố hỗ trợ bên ngoài cho kế hoạch tự học chưa được SV quan tâm thực hiện. Đặc biệt, các yêu cầu cụ thể khi tự học cũng thỉnh thoảng mới được xác định trong khi đây chính là hành động giúp SV theo đuổi kế hoạch và là căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch tự học của bản thân.

3.4. Thực trạng kỹ năng đọc sách ngoài lớp học của sinh viên ĐHSPTPHCM

Đọc sách ở đây được hiểu là mọi nguồn tài liệu học tập có liên quan đến môn học. Việc đọc tài liệu gần như là việc SV phải làm mỗi ngày ở trên lớp (theo sự hướng dẫn của GV) và ngoài lớp (để hoàn thành các nhiệm vụ mà GV yêu cầu). Nhóm nghiên cứu đã đưa ra 18 hành động cần thiết khi đọc sách để thăm dò ý kiến của SV về việc thực hiện các hành động này.

Kết quả khảo sát cho thấy: Trong số các hành động cụ thể khi đọc sách, chỉ có 5/18 hành động được SV thực hiện ở mức độ “Thường xuyên” (với ĐTB dao động từ 3,5-3,8, tức mức cận dưới “Thường xuyên”), chứng tỏ việc đọc sách chưa thực sự được SV tiến hành đều đặn, như yêu cầu của bậc đại học. Các hành động khác phần lớn được thực hiện ở mức độ “Thỉnh thoảng” (ĐTB từ 2,70 đến 3,47), riêng việc đọc sách tại thư viện và cách đọc đi đọc lại một số từ thì “Ít khi” được thực hiện (ĐTB đều dưới 2,5).

Kết quả khảo sát này phản ánh thực tiễn rất chân thực, SV thường lựa chọn tài liệu theo mục đích sẵn có. Đây là một hành động đúng đắn, vì xác định rõ mục tiêu tìm kiếm thông tin sẽ giúp SV tiết

kiệm được thời gian, chọn được tài liệu phục vụ mục tiêu học tập nhanh chóng nhất khi kho tài liệu hiện nay trong nhà sách, thư viện, mạng internet rất đồ sộ.

SV Trường ĐHSPTPHCM cũng ý thức thường chọn sách căn cứ vào uy tín của nhà xuất bản/nguồn thông tin (hành động xếp thứ 2 về mức độ thực hiện khi đọc sách). Tuy nhiên, điều quan trọng hơn khi chọn sách là căn cứ vào uy tín của tác giả thì SV lại chưa nhận thức được (hành động này chỉ xếp thứ 7 về mức độ thực hiện).

Các hành động khác cũng rất nên làm khi đọc sách như đọc các thông tin sơ bộ về quyển sách (Ví dụ: năm xuất bản để đảm bảo thông tin đã được cập nhật mới nhất, số lần tái bản để cho thấy sách có giá trị và được độc giả yêu thích); lời giới thiệu về sách, tóm tắt nội dung (để củng cố quyết định có cần tham khảo cuốn sách đó hay không); đọc thử vài đoạn (để xem văn phong của tác giả có dễ hiểu và phù hợp với khả năng nhận thức của SV hay không) đều ít nhiều bị SV bỏ qua nên mức độ thực hiện chỉ “thỉnh thoảng”.

Điều đáng lưu ý hơn là SV Trường ĐHSPTPHCM thường đọc sách ở nhà mà ít khi đến thư viện hay nhà sách, trong khi hai nơi này đều là những nơi thuận lợi cho việc đọc sách.

Về kỹ thuật đọc siêu tốc, các SV tham gia khảo sát cũng thừa nhận chưa tốt, với tốc độ đọc 300 từ/phút thì mới ở mức trung bình. Khi phỏng vấn, Tiến sĩ Võ Văn Nam cũng nhận định đây là một trong những điểm yếu nhất của SV hiện nay.

3.5. Thực trạng kỹ năng ghi chép

ngoài lớp học của sinh viên chính quy bảng 4)
 sự phạm Trường ĐHSPTPHCM (xem

Bảng 4. Thực trạng KN ghi chép ngoài lớp học của SV chính quy sự phạm Trường ĐHSPTPHCM

STT	Nội dung	Điểm TB	Độ LC	Mức độ	Thứ hạng
1	Tôi sử dụng sổ tay/ tập chuyên dùng để ghi chép tài liệu	3,49	1,032	Thỉnh thoảng	2
2	Tôi sử dụng giấy rời để ghi chép rồi đóng tập lại	2,81	1,102	Thỉnh thoảng	7
3	Tôi chia thành các chủ đề rồi ghi chép tài liệu theo chủ đề đó	3,12	1,118	Thỉnh thoảng	6
4	Tôi ghi lại những thông tin cơ bản của tài liệu (tên tài liệu, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản...)	2,75	1,177	Thỉnh thoảng	8
5	Tôi ghi chép tóm tắt nội dung tài liệu đã đọc theo sơ đồ (sơ đồ cây, sơ đồ tư duy...)	3,13	1,092	Thỉnh thoảng	5
6	Tôi ghi thêm những nhận định và lời chú giải của mình	3,35	1,085	Thỉnh thoảng	3
7	Tôi chọn lọc và ghi lại các đoạn trích dẫn (cả xuất xứ đoạn trích)	3,24	1,005	Thỉnh thoảng	4
8	Tôi chép nguyên văn toàn bộ nội dung tài liệu đã đọc	2,35	0,975	Thỉnh thoảng	9
9	Khi ghi chép lại, tôi làm nổi bật tài liệu như tô đậm những từ quan trọng	3,96	0,958	Thường xuyên	1

(Mục số 5 và 8 được phát biểu ngược nhau để kiểm tra mức độ trung thực khi trả lời bảng hỏi của SV tham gia khảo sát)

KN ghi chép song hành cùng KN đọc sách để tạo hiệu quả cho việc tích lũy tri thức của SV. Nếu rèn luyện KN đọc sách mà không rèn luyện KN ghi chép thì việc đọc có nguy cơ trở thành vô nghĩa vì khả năng ghi nhớ bằng não bộ của con người có giới hạn. Tuy nhiên, kết quả bảng 4 về KN ghi chép ngoài lớp học của SV lại không khả quan. Việc ghi chép

đúng cách không được thực hiện thường xuyên, bằng chứng là gần như tất cả các hành động cần thiết khi ghi chép đều được các SV tham gia khảo sát trả lời đã thực hiện ở mức “Thỉnh thoảng” (ĐTB từ 2,75-3,49), chỉ duy nhất hành động làm nổi bật tài liệu bằng cách tô đậm từ quan trọng là được thực hiện ở mức “Thường xuyên” (ĐTB=3,96). Kết quả khảo sát

này tương đồng với nhận định của Tiến sĩ Võ Văn Nam. Ông cho rằng: cùng với KN đọc sách, KN ghi chép của SV cũng rất hạn chế, bằng chứng cụ thể là khi dạy môn Phương pháp học đại học, khi ông yêu cầu SV tự thiết kế các phiếu ghi chép cho bản thân thì SV không thể hoàn thành tốt, ngay cả vở ghi trên lớp của họ cũng vậy.

Hành động tô đậm từ quan trọng khi ghi chép giúp ích cho SV trong tri giác lại tài liệu, nhưng đây chưa phải là hành động mang lại hiệu quả cao nhất khi ghi chép mà việc phân chia chủ đề (xếp hạng 6), ghi tóm tắt bằng các dạng sơ đồ (xếp thứ 5), hay ghi thông tin tỉ mỉ tài liệu đã đọc (xếp thứ 8) mới giúp họ tích lũy thông tin tốt, dễ dàng tra cứu lại khi cần.

Tuy nhiên, việc ghi thêm nhận định kèm theo chú giải cũng được SV lưu tâm (xếp thứ 3), dù vẫn nằm trong mức độ thực hiện “thỉnh thoảng”. Hành động này là biểu hiện cho việc đọc tài liệu một cách có ý thức.

Việc sử dụng sổ tay ghi chép (xếp thứ 2) vẫn phổ biến hơn giấy rời (xếp thứ 7) trong khi việc ghi chép bằng giấy rời giúp SV dễ lưu trữ được số lượng lớn tài liệu cùng chủ đề hơn.

3.6. Thực trạng kỹ năng ôn tập ngoài lớp học của sinh viên chính quy sư phạm Trường ĐHSPTPHCM

Như kết quả khảo sát chung về các KN tự học ngoài lớp học, KN ôn tập được xếp là ảnh hưởng nhiều nhất, do đó, so với các KN khác, các hành động trong KN này cũng được SV thực hiện ở mức độ thường xuyên hơn. Trong số 13 hành động ôn tập được đưa vào khảo sát, 5/13

hành động đạt mức “Thường xuyên” (ĐTB từ 3,51-3,86), còn lại ở mức “Thỉnh thoảng” (ĐTB từ 2,86-3,46).

Ôn tập vốn cũng là một phương pháp dạy học phổ biến trong nhà trường nên các SV Trường ĐHSPTPHCM (từ năm thứ 2) đều được trang bị kiến thức lý thuyết về phương pháp này để sau này giảng dạy, do đó, họ cũng áp dụng tương đối chính xác các hành động ôn tập cho bản thân: viết lại nội dung ôn tập bằng ngôn ngữ riêng (xếp thứ 1), lập kế hoạch chi tiết cho ôn tập (xếp thứ 2), ôn tập xen kẽ các môn học, tránh sự “bão hòa” cho bộ não (xếp thứ 3), trả lời câu hỏi trong sách và của GV (xếp thứ 4).

Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là SV cũng “thường xuyên” chỉ ôn tập khi gần tới ngày thi cuối kì (xếp thứ 5, mức “Thường xuyên”), thay vì ôn tập thường xuyên mỗi ngày sau khi học xong (xếp thứ 12, mức “Thỉnh thoảng”), việc coi lại bài trước buổi học thì được thực hiện nhiều hơn do nhiều GV vẫn duy trì việc kiểm tra lại các kiến thức bài học cũ trước khi giảng bài mới. Về mặt khoa học, việc ôn tập nhiều lần mới đảm bảo việc ghi nhớ, nắm vững kiến thức trong thời gian dài. SV Trường ĐHSPTPHCM vẫn chưa làm được điều này.

3.7. Thực trạng kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá của sinh viên ĐHSPTPHCM

Mặc dù khi khảo sát, SV không đánh giá cao sự ảnh hưởng của KN tự kiểm tra, đánh giá đến kết quả học tập của mình nhưng cũng thực hiện một số hành động kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học của bản thân ở mức độ “Thường xuyên” (4/9 hành động được khảo sát, với ĐTB từ 3,5-3,7). Tuy đây chưa phải

là một kết quả khả quan cho KN này nhưng vẫn là một tín hiệu tốt, thể hiện sự quan tâm nhất định của SV trong việc hình thành một KN rất quan trọng trong quá trình tự học.

Kết quả khảo sát cho phép kết luận như sau: SV đã biết sử dụng mục tiêu như một thước đo để đánh giá hoạt động tự học của bản thân (xếp thứ 1), đây là một nhận thức hoàn toàn đúng đắn về mặt lí luận kiểm tra, đánh giá. Có cùng mức độ thực hiện thường xuyên nhất với hành động này là hành động so sánh kết quả tự học của bản thân SV với các bạn cùng lớp. Thực chất hành động này không phải là biện pháp tốt nhất khi kiểm tra, đánh giá, vì mỗi cá nhân SV có một khả năng và mục tiêu học tập khác nhau. Việc so sánh chỉ nên là một cách thức tham khảo để học hỏi và hoàn thiện hơn là lấy đó làm tiêu chí để đánh giá việc tự học của mình.

Trong khi đó, việc lượng giá hoạt động tự học bằng thang điểm cụ thể hoặc tham khảo nhận xét của GV - những người có khả năng đánh giá tốt nhất là những việc rất nên làm thì lại không được SV chú ý. Các hành động này đều xếp cuối trong bảng xếp hạng các hành động tự kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học.

3.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng kĩ năng tự học ngoài lớp học của sinh viên chính quy sư phạm Trường ĐHSPTPHCM

Các SV tham gia khảo sát cũng đồng tình về sự ảnh hưởng của các yếu tố được liệt kê trong bảng khảo sát đến thực trạng KN tự học ngoài lớp học của SV nên 7/8 yếu tố đó đều đạt mức ảnh hưởng “Nhiều” (ĐTB từ 3,53-4,19, độ lệch

chuẩn cũng dao động trên dưới 1 chứng tỏ các ý kiến khá tập trung), chỉ có yếu tố “Các khóa học KN trong nhà trường” là ảnh hưởng ở mức “Vừa phải” (ĐTB= 3,38, tức cận trên mức “Vừa phải”, cũng gần tiệm cận với mức “Nhiều”).

SV cũng thẳng thắn thừa nhận sự hình thành KN tự học ngoài lớp học chủ yếu là từ các yếu tố chủ quan của SV hơn là các yếu tố khách quan như GV, cơ sở vật chất, chương trình học. Kết luận này từ quá trình điều tra và hoàn toàn trùng khớp với kết luận từ quá trình phỏng vấn GV, SV. Yếu tố “Ý thức rèn luyện các KN tự học của SV” và “Nhận thức về tầm quan trọng của KN tự học ngoài lớp học” lần lượt chiếm các thứ hạng cao nhất trong số các yếu tố ảnh hưởng (ĐTB đều trên 4, tức cận trên mức “Nhiều”. Theo lí giải của cô Đào Thị Duy D. (Khoa Tâm lí - Giáo dục) thì nếu SV nhận ra vai trò của việc tự học và có ý chí tự học thì sẽ chủ động rèn luyện các KN tự học sao cho hiệu quả và vượt qua mọi khó khăn khách quan khác. Ý kiến này cũng tương đồng với nhiều ý kiến khác từ chính SV, như SV Nguyễn Văn L. (Khoa Địa lí): “Nếu SV không có ý thức tự học, không chịu học thì dù cơ sở vật chất tốt đến mấy cũng không có kết quả gì”. Về vấn đề này, Tiến sĩ Võ Văn Nam và Tiến sĩ Nguyễn Thị Bích Hồng đã có cách nhìn nhận công tâm hơn, việc SV không có KN hoặc ý thức tự học ở đại học là do lỗi ở phổ thông, giáo viên chưa chú ý vấn đề này và rèn trước cho các em. Lên đại học, GV không theo sát SV như ở phổ thông mà đòi hỏi SV phải sở hữu sẵn các KN đó để đáp ứng yêu cầu học tập ở đại học. Kết quả, những SV thiếu KN và nỗ

lực thì sẽ càng gặp khó khăn nhiều hơn khi tự học.

Yếu tố GV cũng ảnh hưởng nhiều đến việc tự học ngoài lớp học của SV. Nếu GV sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và đặt ra các yêu cầu tự học cho SV, đồng thời kiểm tra, đánh giá sát sao thì đa số SV, vì không muốn kết quả học tập kém, sẽ phải chú ý nhiều hơn đến việc tự học ngoài lớp học.

Các SV được phỏng vấn cũng đề cập khá nhiều đến yếu tố nơi tự học và nguồn tài liệu trong thư viện nhà trường dù các yếu tố này chiếm các thứ hạng thấp trong bảng kết quả điều tra.

Chương trình học của nhà trường cũng bị chính GV và SV than phiền vì quá nặng, dàn trải, lại thiếu tính ứng dụng. SV phải học rất nhiều môn, thời gian lên lớp nhiều, do đó, thời gian để đầu tư cho từng môn cũng như việc tự học ngoài lớp học cũng bị giảm bớt. Cách thức kiểm tra, đánh giá còn nặng về lí thuyết, do đó, bản thân GV khi giảng dạy cũng phải nỗ lực để dạy hết chương trình, nhằm bảo đảm cho SV làm bài thi tốt nhất. Điều đáng lưu ý cuối cùng từ kết quả điều tra là SV không đánh giá cao sự ảnh hưởng của các khóa huấn luyện KN được tổ chức trong nhà trường, trong khi đây cũng là một con đường giúp SV có tri thức về các KN chuẩn xác nhất.

4. Một số biện pháp để nâng cao kĩ năng tự học ngoài lớp học cho sinh viên chính quy sư phạm Trường ĐHSPTPHCM

Căn cứ vào cơ sở lí luận và kết quả khảo sát bằng bảng hỏi, chúng tôi đưa ra hệ thống các biện pháp như sau:

- Về phía SV, việc lập kế hoạch rèn

luyện các KN tự học, tham gia các khóa đào tạo KN tự học và các diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm tự học theo chuyên ngành, tự trang bị kiến thức về KN tự học qua sách, báo, truyền hình, lập các nhóm tự học... là những biện pháp hiệu quả giúp họ hình thành KN tự học ngoài lớp học.

- Về phía GV, ngoài việc trang bị kiến thức về KN tự học ở đại học để hướng dẫn cho SV, GV nên đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực và đòi hỏi SV tự học, đặt ra các yêu cầu tự học rõ ràng, đổi mới cả cách kiểm tra, đánh giá; trong đó có kiểm tra, đánh giá việc tự học của SV.

- Về phía nhà trường, việc đầu tư cơ sở vật chất và nguồn tài liệu phong phú trong thư viện phục vụ cho hoạt động tự học của SV là việc làm thiết thực nhất. Bên cạnh đó, nhà trường cần thay đổi chương trình theo hướng tăng cường tự học cho SV.

Về phía Đoàn - Hội, các tổ chức này nên phối hợp với nhà trường mở các khóa học, chuyên đề bồi dưỡng hoặc các cuộc thi về KN tự học dành cho SV.

Các biện pháp trên dù chưa được thực nghiệm kiểm chứng nhưng cũng là những thông tin có giá trị tham khảo cao cho các lực lượng trong việc cải thiện chất lượng tự học cho SV.

5. Kết luận

Đề tài nghiên cứu cho phép kết luận: SV đã dành một quỹ thời gian nhất định cho việc tự học ngoài lớp học, ý thức sâu sắc sự ảnh hưởng của việc này đến kết quả học tập của bản thân, cũng như nhận định rõ vai trò của các KN tự học khác nhau. Khảo sát cụ thể 5 KN tự

học ngoài lớp học (lập kế hoạch, đọc sách, ghi chép, ôn tập, tự kiểm tra, đánh giá), kết quả cho thấy SV đã tiến hành một số hành động đúng trong mỗi KN nhưng còn thiếu rất nhiều hành động để mang lại hiệu quả cao hơn cho tự học. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng KN tự học ngoài lớp học như trên bao gồm cả

các yếu tố chủ quan lẫn khách quan, nhưng chủ yếu là các yếu tố thuộc về bản thân SV hơn là các yếu tố bên ngoài như GV, cơ sở vật chất, chương trình học. Để nâng cao KN tự học cho SV, nhà trường, GV, Đoàn - Hội, đặc biệt là SV cần nỗ lực thực hiện các biện pháp đa dạng, hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Quang Hải (2003), *Rèn luyện các kỹ năng tự học cơ bản cho học viên học viện kỹ thuật quân sự: thực trạng và một số biện pháp quản lý*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.
2. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2007), *Nghiên cứu kỹ năng tự học ở trên lớp của sinh viên sư phạm*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.
3. Trần Thị Minh Hằng (2011), *Tự học và yếu tố tâm lý cơ bản trong tự học của sinh viên sư phạm*, Nxb Giáo dục.
4. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2009), *Lý luận dạy học đại học*, Nxb Đại học Sư phạm.
5. Quốc hội (2010), Luật Giáo dục.
6. Nguyễn Cảnh Toàn (1998), *Quá trình dạy - Tự học*, Nxb Giáo dục.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 26-7-2013; ngày phản biện đánh giá: 27-8-2013;
ngày chấp nhận đăng: 10-01-2014)